TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 6 năm 2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu F, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T.

(Chị L, anh T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng bà Lại Thị L1 là mẹ anh T ở tại khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị Phạm Thị L trình bày: Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời không tập trung lo cho kinh tế gia đình và nợ nần dẫn đến việc có người đến nhà đòi nợ cụ thể là năm 2018 dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Đến tháng 4/2024 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại khu F, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Và sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị L khai là không đúng vì theo anh T vợ chồng không có mâu thuẫn gì cũng như việc anh T không chơi bời nợ nần. Đến tháng 4/2024 chị L xin phép mẹ anh T về nhà bố mẹ đẻ của chị L để chăm sóc bố đẻ ốm đau. Trong quá trình chị L về nhà bố mẹ đẻ thì anh T vẫn đi lại thăm hỏi cũng như là hỗ trợ về tình cảm, tài chính cho chị L và con. Nay anh T xác định anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh đề nghị Tòa án bác đơn của chị L để vợ chồng anh được đoàn tụ cùng chăm sóc con chung.

Về con chung: Chị L và anh T thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019.

Hiện nay, con chung đang ở với chị L. Khi ly hôn đặt ra quan điểm của chị L để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C. Chị L sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mức 2.000.000 đ/01 tháng. Nếu anh T không đồng ý hay không có quan điểm gì về con chung thì chị L sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và chị L đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đ/01 tháng.

Anh T không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm gì về con chung.

Về tài sản chung, công nợ; công sức đóng góp: Chị L, anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản án sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã quyết định**:**

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 7 Nghị quyết số 01/NĐ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng. Thời gian bắt đầu việc cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2025 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2025, bị đơn anh Nguyễn Ngọc T, kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Anh T không đồng ý với phiên tòa xét xử sơ thẩm, không nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của các đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông về phần con chung do các bên đã thống nhất thỏa thuận được, Về quan hệ hôn nhân giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, chị L cho rằng trong thời gian ly thân anh T chuyển cho chị 2 lần tiền mỗi lần 2.000.000 đ. Về phía anh T cho rằng có nhiều lần chuyển tiền cho chị L. Chị L, anh T đều đề nghị Tòa án đi xác minh thu thập tài liệu chứng cứ với mục đích để chứng minh ai nói đúng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa mà tiếp tục xét xử theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Thành Hội Đ xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại gia đình anh T ở khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi. Đến tháng 4/2024 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại khu F, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Về phía anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chị L về nhà bố mẹ để chăm sóc bố bị ốm, anh vẫn quan tâm và còn tình cảm. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh ngày 27/12/2024 được chính quyền địa phương cung cấp: " *Quá trình chung sống chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần. Gia đình anh T và vợ là chị L đã giúp đỡ trả nợ, khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ mâu thuẫn trên dẫn tới việc anh T và chị L bất đồng quan điểm sống, cãi vã. Đến khoảng tháng 4/2024 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại khu F, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và ly thân với anh T từ đó cho đến nay*".

Trong quá trình giải quyết, anh T có đơn đề nghị làm rõ nội dung xác minh trên. Tại biên bản làm việc (Bút lục số 65) do anh T cung cấp có nội dung ông Nguyễn Phú H là trưởng khu 3 khẳng định có cung cấp nội dung cho Tòa án về việc anh T chỉ mải chơi. Trước khi kết hôn anh T có chơi bời, sau khi kết hôn đã chú tâm làm ăn. Tại công văn số 73 ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã H gửi anh T có nội dung ông H khẳng định đã cung cấp cho tòa án nội dung: hoàn cảnh gia đình vẫn sống hòa thuận, chỉ có anh T là mải chơi quá nên vợ chồng lục đục lâu ngày dẫn đến phải chia tay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ và kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Anh T vẫn tha thiết đề nghị xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Trong phần tranh tụng cho thấy hai anh chị đều có lời trình bày mâu thuẫn qua việc đề nghị Tòa án đi xác minh như đã nêu trên. Tuy nhiên cả hai anh chị đều thừa nhận đã không chung sống cùng nhau từ tháng 4/2024. Theo đó cho thấy hai anh chị đã không còn tin tưởng lẫn nhau, chị L đã thật sự không còn tình cảm với anh T và không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với anh T. Tình trạng hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, cho chị L ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình, nội dung kháng cáo của anh T về quan hệ hôn nhân là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh T đều thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019, hiện nay cháu C đang ở cùng chị L. Tại bán án sơ thẩm đã quyết định giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng. Thời gian bắt đầu việc cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2025 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị L thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng, anh T không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng. Thỏa thuận cả hai anh chị là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội cũng như quy định của pháp luật nên được công nhận. Do vậy, đây là tình tiết mới do các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông về phần con chung theo quy định.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Về án phí cấp dưỡng sơ thẩm: Do các bên đã tự nguyện thỏa thuận không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên sửa án phí cấp dưỡng sơ thẩm, anh T không phải chịu theo quy định.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh T được chấp nhận một phần nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ về phần con chung

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28; khoản 42 Điều 148; 271, 270. 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 71; khoản 2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận giữa chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Ngọc T về việc giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019 đến khi con chung thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị Phạm Thị L có nghĩa vụ giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh ngày 02/5/2019 cho anh Nguyễn Ngọc T theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[2] Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003530 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải chịu theo quy định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu theo quy định. Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0001549 ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Hương